

Bản án số: 118 /2024/HS-ST
Ngày: 14-8-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Lệ .

Bà Trương Thị Mỹ Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thái Trâm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 108/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Ngọc K**; Tên gọi khác: Không; sinh ngày: 14/02/2008; tại TP .; HKTT và chỗ ở: thôn D, Xã H, huyện H, TP .; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông: Đặng Ngọc L (sinh năm: 1974) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm: 1978); gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con út; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi mới đủ 16 tuổi 01 tháng 16 ngày.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ 18 giờ ngày 03/4/2024. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận L, TP ., (có mặt).

-*Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đặng Ngọc K:* Đặng Ngọc L, sinh năm: 1974 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1978; cùng trú tại: thôn D Xã H, huyện H, TP ., (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Ngọc K: Ông Lê Ngọc Đ - Luật sư; Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm T9 - Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng (có mặt).

02. Họ và tên: **Lê Hoàng V**; Tên gọi khác: Không; sinh ngày: 29/5/2007; tại TP .; HKTT và chỗ ở: Thôn P - P, xã H, huyện H, TP .; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông: Lê C (sinh năm: 1979) và bà Phạm Thị Thúy H (sinh năm: 1978); Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 02; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi mới đủ 16 tuổi 10 tháng 01 ngày.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ 18 giờ ngày 03/4/2024. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận L, TP ., (có mặt).

-Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Hoàng V: ông Lê C, sinh năm: 1979 và bà Phạm Thị Thùy H1, sinh năm: 1978; Thôn P - P, Xã H, huyện H, TP . (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoàng V: Ông Nguyễn Văn P - Luật sư; Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm T9 - Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng,(có mặt).

- Người bị hại: Bà **Trần Thị C1**, sinh năm: 1961; trú tại: Tổ G, phường H, quận L, TP ., (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Nguyễn B**, sinh năm 1960; trú tại: Tổ G, phường H, quận L, TP .,(có mặt).

+ Bà **Trần Thị S**, sinh năm 1969, trú tại: Tổ B, trú tại: Túc Loan Đ, xã H, H, TP .,(vắng mặt).

+ Ông **Đặng Ngọc L**, sinh năm 1974; trú tại: thôn D, xã H, huyện H, TP .,(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 45 phút, ngày 30/3/2024, Đặng Ngọc K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125I, biển kiểm soát: 43K1-453.34 chở Lê Hoàng V đi chơi ở khu vực trung tâm thành phố Đà Nẵng. Trên đường đi về nhà, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên K rủ V giật tài sản của người đi đường kiếm tiền tiêu xài, V trả lời: “*Thôi ráng về nhà luôn*”. Khi đi đến nơi đoạn đường có đèn đỏ tại nơi giao nhau giữa đường T với đường H, quận L, TP ., K và V thấy bà Trần Thị C1 (*sinh năm: 1960, cùng trú tại: Tổ G, phường H, quận L, TP .*) đang dừng đèn đỏ và có đeo túi xách nên K nói “*Chờ ta với mi giật túi xách của người phụ nữ trên rồi lấy tài sản giật được bán lấy tiền đi ăn và đồ xăng*”; V nghe vậy im lặng và không nói gì. K tiếp tục điều khiển xe bám theo sau bà C1 và nói với V: “*Giật của bà già mới dễ dàng*”, V trả lời “*Thôi đừng giật của bà già*” nhưng K vẫn cương quyết bám theo để giật tài sản của bà C1, V im lặng và không nói gì. K điều khiển xe tiếp tục bám theo phía sau bà C1 chờ đợi thời cơ thuận lợi để giật chiếc túi xách. Khi đến trước số nhà C đường H, phường H, quận L, TP ., thấy vắng người nên K nói “*Giật hì*” thì V trả lời “*Ừ*”. Lúc này, K điều khiển xe áp sát phía bên phải của bà C1 rồi dùng tay trái giật túi xách của bà C1 đang đeo trên người làm bà C1 ngã xuống đường. Sau khi giật được túi xách, K tăng ga bỏ chạy thoát, đi đến khu vực dốc Đ, phường H, quận L, TP ., K và V dừng lại, tiến hành kiểm tra bên trong túi xách có: 01 (một) điện thoại hiệu Realme C51, màu xanh, số imei: 863320064211798, 80.000đ (*tám mươi nghìn đồng*) tiền mặt và giấy tờ tùy thân của bà C1. K lấy tiền và điện thoại, còn túi xách và giấy tờ của bà C1 thì K bỏ lại ven đường. Lúc 22 giờ cùng ngày, K và V đến tiệm cầm đồ Ngọc T1 (địa chỉ: Tổ B, Túc Loan Đ, H, H, TP .) do bà Trần Thị S (sinh năm 1969, trú tại: Tổ B, Túc Loan Đ, H, H, Đà Nẵng) làm chủ và bán máy điện thoại nói trên được 1.200.000đ (*một triệu hai trăm nghìn đồng*). Sau đó, K và V chia nhau mỗi người 600.000đ (*sáu trăm nghìn đồng*) và tiêu xài cá nhân.

Đối với bà C1, sau khi ngã xuống đường, bị thương phải đi cấp cứu tại bệnh viện.

Kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 02/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS Q. Liên Chiêu xác định giá trị của 01 điện thoại di động hiệu Realme C51, màu xanh là 2.313.000 đồng. Giá trị của 01 túi xách đã qua sử dụng là 12.000 đồng.

Kết luận giám định số 854/KL-KTHS ngày 13/5/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại TP. xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Trần Thị C1 là 25 %.

Vật chứng tạm giữ và xử lý vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme C51, màu xanh, số imei: 863320064211798 và 01 (một) túi xách màu đen (thu được tại khu vực ven đường H, TP.) kèm 01 dây đeo của túi xách (Đã xử lý trả lại cho bị hại Nguyễn Thị C2 theo Quyết định xử lý vật chứng số ngày 13/5/2024 của Cơ quan CSĐT Công an quận L).

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125I, BKS:43K1-453.34, số khung: 7307KY007636, số máy: JF73E0140071. Qua điều tra xác định xe này thuộc sở hữu của ông Đặng Ngọc L1 (sinh năm: 1974, trú tại: Xã H, huyện H, TP. - là cha ruột của Đặng Ngọc K). Ngày 30/3/2024, Đặng Ngọc K tự ý lấy xe mô tô của ông L1 để sử dụng làm phương tiện đi lại rồi sau đó dùng để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, ông L1 không biết việc này nên ngày 13/5/2024, Cơ quan CSĐT Công an quận L đã xử lý trả lại vật chứng là chiếc xe nói trên cho ông L1.

- 01 đĩa DVD có chứa 03 đoạn video có ghi lại dữ liệu hình ảnh tiệm cầm đồ Ngọc T1 ghi nhận hình ảnh K và V đến bán điện thoại cho bà Trần Thị S (được chuyển kèm hồ sơ vụ án).

- Tiền Việt Nam đồng: 200.000 đồng thu của bị cáo V. Hiện chuyển Chi cục THA Dân sự quận L tạm thời quản lý.

- Tại Cáo trạng số 108/CT-VKS-LC, ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiêu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo:

- Đặng Ngọc Khánh và Lê Hoàng V đã phạm vào tội “*Cướp giật tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiêu, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm điểm d,e khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm 0 khoản 1 Điều 52, 90, 91 và 101 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Ngọc K 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm điểm d, e khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, 90, 91 và 101 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hoàng V 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại số tiền 80.000.000 đồng/ 02 bị cáo, bị hại là bà Nguyễn Thị C2 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu đền bù gì thêm đồng thời có

đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị S không yêu cầu bồi thường nên đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên; ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, do nông nổi nhất thời nên đã vi phạm pháp luật, mong muốn HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

-Người bị hại: tại phiên tòa bà Trần Thị C1 xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, vì các bị cáo tuổi đời còn rất trẻ, nông nổi nhất thời, đại diện VKS đề nghị mức hình phạt quá cao, bà tha thiết xin HĐXX giảm mức án cho bị cáo K còn khoản 02 năm tù và bị cáo V còn 15 tháng tù là phù hợp.

-Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đặng Ngọc K: Ông Đặng Ngọc L và bà Nguyễn Thị T cũng đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

-Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Hoàng V: Ông Lê C và bà Phạm Thị Thùy H1 cũng đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Ngọc K và Lê Hoàng V, Luật sư Lê Ngọc Đ và Nguyễn Văn P thống nhất về tội danh, điểm, khoản, điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố đối với các bị cáo, thống nhất cùng quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Tuy nhiên, về mức án Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo quá nghiêm khắc; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, khi phạm tội các bị cáo còn non trẻ, hành vi nông nổi nhất thời và chưa đủ 18 tuổi việc nhận thức pháp luật còn hạn chế; Viện kiểm sát đề nghị mức án quá nghiêm khắc đối với các bị cáo, đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất để các bị cáo dễ hòa nhập cộng đồng theo điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, 54, 90, 91 và 101 BLHS giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất để các bị cáo dễ hòa nhập cộng đồng là người có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi và quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Đặng Ngọc K và Lê Hoàng V trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng

xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 22 giờ ngày 30 tháng 3 năm 2024, tại trước số nhà C đường H, phường H, quận L, TP., Đặng Ngọc K có hành vi điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH125I, biển kiểm soát: 43K1-453.34 chở theo sau Lê Hoàng V rồi cướp giật của bà Nguyễn Thị C2 01 chiếc túi xách có trị giá 12.000 đồng, bên trong có 01 (một) điện thoại hiệu Realme C51, màu xanh trị giá 2.313.000 đồng, 80.000đ (*tám mươi nghìn đồng*) tiền mặt và giấy tờ tùy thân của bà C2, làm bà C2 té ngã xuống đường bị thương tích 25%. Tổng giá trị tài sản mà Đặng Ngọc K và Lê Hoàng V cướp giật được là 2.405.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm lẻ năm ngàn đồng*).

Hành vi nêu trên của các bị cáo phạm vào tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, e khoản 2, Điều 171 Bộ luật hình sự; như bản Cáo trạng số 108/CT-VKS, ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất vụ án, vai trò, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hiện nay, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đang được các cơ quan tư pháp quan tâm và đặt mục tiêu đảm bảo tương đối tình trạng ổn định, an toàn trong nhân dân, tuy nhiên tình trạng cướp giật tài sản vẫn diễn biến khá phức tạp, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Trước thực trạng trên, yêu cầu tấn công, trấn áp, ngăn chặn kịp thời loại tội phạm này, nhằm đảm bảo đảm an ninh trật tự, an toàn cho nhân dân được quan tâm kịp thời, cũng như phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được thực hiện mạnh mẽ nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp cho nhân dân đoàn kết trong phòng chống truy bắt tội phạm.

Trong vụ án này bị cáo Đặng Ngọc K và V là người đủ năng lực tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo K là người khởi xướng rủ bị cáo V, dùng phương tiện xe mô tô phân khối trên 100 thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bà C2 khi đang lưu thông trên đường dẫn đến gây thương tích cho bà C2 25%, các bị cáo đã thực hiện hành vi một cách bất ngờ công khai và nhanh chóng tẩu thoát; chỉ vì nông nổi, bộc phát nhất thời muốn có tiền đồ xăng và ăn khuya để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên các bị cáo đã vi phạm pháp luật.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm, thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nên cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên trong vụ án này bị cáo K là người khởi xướng, cầm đầu nên được xử lý nghiêm so với bị cáo V. Bị cáo V là người giúp sức về mặt tinh thần, ăn chia số tiền cướp giật mà có cho nên cũng cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo:

Bị cáo Đặng Ngọc K có một tình tiết tăng nặng tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Các bị cáo K, V trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; nên HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

Từ các nhận định nói trên: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu, đồng phạm giản đơn, do nông nổi nhất thời trước khi phạm tội các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, chấp hành tốt các quy định của pháp luật tại địa phương. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại Điều 51 cho nên HĐXX áp dụng Điều 54 BLHS cho các bị cáo. Ngoài ra, các bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội nên được áp dụng các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Điều 90, 91, 101 BLHS; hành vi phạm tội với lỗi cố ý, tính chất vụ án là rất nghiêm trọng cần phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian, để trở thành con người có ích cho gia đình và xã hội, cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù có thời hạn theo Điều 38 của BLHS năm 2015 là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại số tiền 80.000.000 đồng, bị hại là bà Nguyễn Thị C2 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu đền bù gì thêm và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị S không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không đề cập xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, nhận thấy:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme C51, màu xanh, số imei: 863320064211798 và 01 (một) túi xách màu đen (thu được tại khu vực ven đường H, TP .) kèm 01 dây đeo của túi xách (Đã xử lý trả lại cho bị hại Nguyễn Thị C2 theo Quyết định xử lý vật chứng số ngày 13/5/2024 của Cơ quan CSĐT Công an quận L) nên HĐXX không đề cập xử lý.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125I, BKS:43K1-453.34, số khung: 7307KY007636, số máy: JF73E0140071. Qua điều tra xác định xe này thuộc sở hữu của ông Đặng Ngọc L1 (sinh năm: 1974, trú tại: Xã H, huyện H, TP .- là cha ruột của Đặng Ngọc K). Ngày 30/3/2024, Đặng Ngọc K tự ý lấy xe mô tô của ông L1 để sử dụng làm phương tiện đi lại rồi sau đó dùng để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, ông L1 không biết việc này nên ngày 13/5/2024, Cơ quan CSĐT Công an quận L đã xử lý trả lại vật chứng là chiếc xe nói trên cho ông L1 nên HĐXX không đề cập xử lý.

Tuyên sung công quỹ nhà nước số tiền 200.000đ của bị cáo V, số tiền này do phạm tội mà có, hiện đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/7/2024 của chi cục thi hành án dân sự quận L, Tp Đà Nẵng.

[7] Đối với bà Trần Thị S (chủ tiệm cầm đồ Ngọc T1) có hành vi nhận mua chiếc điện thoại di động hiệu Realme C51, màu xanh, là tài sản do K và V phạm tội có được mang đến bán tuy nhiên bà S không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT Công an quận L, TP . không đề cập xử lý là có cơ sở.

Đối với ông Đặng Ngọc L-cha ruột của Đặng Ngọc K (chủ sở hữu xe mô tô hiệu Honda SH125I, biển kiểm soát: 43K1-453.34) không biết việc K tự ý lấy xe mô tô này sử dụng làm phương tiện đi lại rồi dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên

Cơ quan CSĐT Công an quận L không đề cập xử lý hình sự đồng thời Công an quận L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông L là có cơ sở.

Đối với Đặng Ngọc K có hành vi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông khi chưa đủ tuổi quy định nên Công an quận L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi này của K là có cơ sở.

[8] Án phí sơ thẩm : Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo K, V phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về Tội danh:

- Căn cứ: điểm d, e Khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 và Điều 17, 38, 54, 90, 91 và 101 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Đặng Ngọc K phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

- Căn cứ: điểm d, e Khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, và Điều 17, 38, 54, 90, 91 và 101 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng V phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc K 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03.4.2024.

- Xử phạt: Lê Hoàng V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03.4.2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ Luật hình: Tuyên sung công quỹ nhà nước số tiền 200.000đ của bị cáo V theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/7/2024 của chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

4. Án phí hình sự sơ thẩm : Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Đặng Ngọc K, Lê Hoàng V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) .

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng bà Trần Thị S người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Liên Chiểu;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã Ký

- Công an Q;
- Chi cục T;
- Nhà tạm giữ Công an Q;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Đức Hoàng